

Số: 1410 /QĐ – ĐHTDM

Bình Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ
quản lý giáo dục trường mầm non Khóa 18, năm 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ – BGDDT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT – BGDDT ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ – UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục trường mầm non Khóa 18, năm 2017 cho 38 học viên.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng Phòng Hành chính, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và cá nhân có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, TTGDTX.

HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp



DANH SÁCH

Công nhận kết quả và cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học

Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục trường mầm non Khóa 18

(Kèm theo Quyết định số: 1410 /QĐ-ĐHTDM ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	MĐ 1	MĐ 2	MĐ 3	MĐ 4	MĐ 5	TLCK	TBC	XẾP LOẠI
1	Nguyễn Quế	Anh	26/12/1995	Bình Dương	Nữ	5	8	8.1	6.9	6.1	8	7.0	Khá
2	Hồ Ngọc	Ánh	15/7/1988	Sông Bé	Nữ	5	8.3	7.3	7.3	6.5	7	6.9	Trung bình khá
3	Nguyễn Thị Kim	Chung	22/8/1991	Bình Dương	Nữ	8.5	8.3	7.3	7.4	6.4	8	7.6	Khá
4	Đặng Ngọc	Điệp	26/7/1987	Bình Dương	Nữ	9	7.3	7.6	6.9	6.8	8	7.6	Khá
5	Lê Thị Thùy	Dương	14/3/1995	Đồng Nai	Nữ	7	7	6.6	7.2	7.4	8	7.2	Khá
6	Phan Thị Thu	Hiền	20/11/1995	Đắk Lắk	Nữ	7	8	7.1	6.7	6.4	8	7.2	Khá
7	Lê Thị Minh	Hiền	19/2/1996	Bình Dương	Nữ	8	7.5	7.4	7.0	6.9	8	7.5	Khá
8	Nguyễn Thị	Hiếu	7/5/1984	Bình Dương	Nữ	6	7	9.0	7.5	6.5	8	7.3	Khá
9	Trần Thị	Hồng	8/2/1996	Đắk Lắk	Nữ	7	7	6.8	7.2	6.6	8	7.1	Khá
10	Nguyễn Văn	Hùng	12/8/1975	Bình Dương	Nam	7.5	6	6.6	6.9	7.3	7	6.9	Trung bình khá
11	Phan Thị	Mai	20/2/1996	Sông Bé	Nữ	8	8	7.3	7.9	7.3	8	7.7	Khá
12	Nguyễn Thị Diễm	Minh	26/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	7	8	6.5	7.0	6.0	8	7.1	Khá
13	Phạm Văn	Minh	6/10/1968	Tây Ninh	Nam	7	6.5	6.0	6.7	6.6	7	6.6	Trung bình khá
14	Cao Thị Phương	Nam	18/8/1979	Phú Thọ	Nữ	7	6.8	7.6	6.7	6.4	7	6.9	Trung bình khá
15	Vương Thị Kim	Nguyệt	5/3/1983	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	7.5	7.5	8.1	7.6	7.3	8	7.7	Khá
16	Đinh Thị Yên	Nhi	27/7/1992	Bình Thuận	Nữ	5	7.8	8.0	6.9	7.0	7	7.0	Khá
17	Vũ Thị Kim	Oanh	8/3/1996	Thanh Hóa	Nữ	7	7	7.0	6.7	5.9	8	6.9	Trung bình khá
18	Nguyễn Thị	Oanh	18/5/1995	Thanh Hóa	Nữ	7.5	8.3	8.3	7.3	6.5	8	7.7	Khá
19	Nguyễn Thị	Phương	22/4/1994	Lâm Đồng	Nữ	7.5	7.3	7.3	7.2	6.9	8	7.4	Khá
20	Lê Thị	Phương	26/5/1994	Thanh Hóa	Nữ	7	8	8.0	6.8	6.6	8	7.4	Khá
21	Nguyễn Phạm Nhật	Tân	2/7/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	5	8	8.3	7.3	6.5	8	7.2	Khá
22	Nguyễn Thị Bích	Thảo	8/1/1996	Sông Bé	Nữ	7.5	8	8.0	7.2	6.5	7	7.4	Khá
23	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/9/1989	Bình Dương	Nữ	6.5	7.8	7.4	6.7	6.5	8	7.2	Khá

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	MĐ 1	MĐ 2	MĐ 3	MĐ 4	MĐ 5	TLCK	TBC	XẾP LOẠI
24	Nguyễn Thị	Tươi	28/9/1995	Đắk Nông	Nữ	8.5	7.8	7.3	7.2	6.9	8	7.6	Khá
25	Nguyễn Thị	Tuyên	2/3/1996	Sông Bé	Nữ	5	7.8	7.1	7.1	6.5	8	6.9	Trung bình khá
26	Nguyễn Thị	Tuyết	20/6/1987	Nghệ An	Nữ	7	7.3	6.8	6.5	6.3	8	7.0	Khá
27	Phan Thị Hà	Vy	20/3/1995	Quảng Ngãi	Nữ	7	7.8	7.1	7.0	6.9	8	7.3	Khá
28	Trần Ngọc	Vy	2/6/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	5	6.8	6.9	6.7	6.9	6	6.4	Trung bình khá
29	Trần Thị Hải	Yến	28/2/1995	Sông Bé	Nữ	9	7.3	6.9	7.4	6.9	8	7.6	Khá
30	Lâm Văn	Hiền	2/11/1978	Bình Dương	Nam	5	6.5	7.1	6.5	7.0	8	6.7	Trung bình khá
31	Lê Vi	Na	20/02/1988	Đắk Lắk	Nữ	5	6.8	6.9	6.2	6.3	7	6.4	Trung bình khá
32	Trần Thị Kim	Nhung	15/01/1983	Quảng Trị	Nữ	8	7.3	7.3	6.8	6.7	7	7.2	Khá
33	Lê Thị	Thu	2/3/1994	Thanh Hóa	Nữ	6	6.8	7.6	6.3	6.3	5	6.3	Trung bình khá
34	Trần Thị Thu	Thủy	5/2/1992	Bình Dương	Nữ	6	7.3	6.6	6.8	7.3	7	6.8	Trung bình khá
35	Thái Thùy	Trang	4/8/1987	Bình Dương	Nữ	7	6.3	6.8	7.3	6.8	6	6.7	Trung bình khá
36	Huỳnh Thị Thu	Ý	26/08/1994	Quảng Nam	Nữ	7	8	6.4	7.3	6.7	7	7.1	Khá
37	Lê Thị Diệu	Tuyên	4/1/1986	Thừa Thiên Huế	Nữ	5	7.5	7.0	6.1	6.5	7	6.5	Trung bình khá
38	Nguyễn Huỳnh	Lý	22/3/1984	Bình Dương	Nữ	5	6.8	7.5	7.3	6.5	6	6.5	Trung bình khá

Danh sách này có 38 học viên.

TỔNG HỢP:

Loại Giỏi có 0 học viên, chiếm 0% trên tổng số

Loại Khá có 24 học viên, chiếm 63% trên tổng số

Loại Trung Bình Khá có 14 học viên, chiếm 37% trên tổng số